

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông La Văn Việt.
- Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: A4/83/12, Ấp 1, xã B, huyện B, TP H (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Hữu Q, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn T trình bày như sau:

Ngày 15/01/2020, ông Q có mượn của ông số tiền 25.000.000đ. Sau đó, ông Q trả được 11.000.000đ, số tiền còn lại ông Q hứa ngày 06/01/2023 sẽ trả tiền gốc và lãi là 20.000.000đ nhưng đến ngày 06/01/2023 ông Q không trả cho ông. Nay ông yêu cầu ông Q trả cho ông số tiền 20.000.000đ.

Bị đơn ông Trần Hữu Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông xác nhận có nợ tiền ông T 20.000.000đ như ông T trình bày. Nay ông đồng ý trả số tiền 20.000.000đ cho ông T. Nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Văn T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Hữu Q, ông Q hiện có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông T cho rằng ông Q có nợ ông T số tiền 20.000.000đ, ông Q hẹn ngày 06/01/2023 sẽ trả số tiền này cho ông T nhưng đến ngày hẹn ông Q không trả. Ông Q xác nhận còn nợ ông T 20.000.000đ và đồng ý trả số tiền còn nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ nhưng ông T không đồng ý.

[3] Căn cứ giấy mượn tiền ngày 15/01/2020 nội dung thể hiện ông Q mượn của ông T 25.000.000đ. Sau đó, ông Q có trả tiền cho ông T và hai bên thỏa thuận tiền gốc và lãi phải trả đến ngày 06/01/2023 là 20.000.000đ. Từ đó cho đến nay ông Q vẫn chưa trả số tiền này cho ông T. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn nhưng cho đến nay ông Q vẫn chưa trả tiền vay cho ông T là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, ông Q phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 20.000.000đ cho ông T. Ông Q xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ nhưng không được ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Trần Hữu Q.

Ông Trần Hữu Q có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn T số tiền 20.000.000đ, (Hai mươi triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có

nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu Q chịu **1.00.000đ**, sung vào Công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho ông Phan Văn T số tiền tạm ứng án phí 500.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008333 ngày 29/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh L;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên